



PHÁP LUẬT VỀ BẢO VỆ TÍNH BỀN VỮNG VỀ MÔI TRƯỜNG TẠI LÀNG NGHỀ

Đặng Công Cường

Trường Đại học Luật, Đại học Huế, Đường Võ Văn Kiệt, Huế, Việt Nam

Tác giả liên hệ: Đặng Công Cường <cuongdangcong@gmail.com>

(Ngày nhận bài: 11-3-2021; Ngày chấp nhận đăng: 9-6-2021)

Tóm tắt. Bền vững về môi trường là một trong ba trụ cột hợp thành bảo đảm làng nghề phát triển bền vững. Trong phạm vi bài báo, vấn đề bảo vệ tính bền vững về môi trường của làng nghề được nghiên cứu dưới góc độ thực tiễn bảo vệ môi trường tại làng nghề ở Việt Nam để xác định nguyên nhân của bất cập, từ đó, đề xuất giải pháp góp phần nâng cao hiệu quả bảo vệ tính bền vững về môi trường của làng nghề.

Từ khoá: Tính bền vững về môi trường, pháp luật bảo vệ môi trường, phát triển làng nghề bền vững

Laws on environmental sustainability protection in craft villages

Dang Cong Cuong

University of Law, Hue University, Vo Van Kiet St., Hue, Vietnam

Correspondence to Dang Cong Cuong <cuongdangcong@gmail.com>

(Received: March 11, 2021; Accepted: June 9, 2021)

Abstract. Environmental sustainability is one of the three constituent pillars to ensure the sustainable development of craft villages. The article studies the problems of environmental sustainability of the craft village from practice of environmental protection in craft villages in Viet Nam to identify the causes of the inadequacy, thereby, proposing solutions to improving these issues.

Keywords: environmental sustainability, craft village, sustainable development, environmental protection

1. Tính bền vững về môi trường trong lý thuyết phát triển bền vững

Phát triển bền vững là lý thuyết được thảo luận và được cộng đồng quốc tế đưa vào ứng dụng trong việc hoạch định chính sách phát triển ở cấp độ quốc gia, cũng như quốc tế trong những năm cuối thế kỷ 20. Đây là lý thuyết mới nên được thảo luận sôi nổi ở nhiều góc độ khác nhau, nhiều cấp độ khác nhau trong các diễn đàn khoa học, diễn đàn chính trị quốc tế trong

thập niên 80 và 90 của thế kỷ 20. Cùng với những hậu quả do tốc độ gia tăng dân số nhanh, vấn đề ô nhiễm môi trường và nguy cơ khủng hoảng sinh thái toàn cầu nổi lên như một vấn đề cấp bách trong cuộc tranh luận về phát triển bền vững. Lý do của sự cấp bách này là cuộc khủng hoảng toàn cầu của chủ nghĩa tư bản, dẫn đến cạn kiệt tài nguyên, môi trường sống suy thoái và khoảng cách giàu nghèo ngày càng tăng cao. Sự xuất hiện của yếu tố khủng hoảng môi trường dẫn đến sự tranh luận gay gắt giữa những người ủng hộ ưu tiên tăng trưởng kinh tế trước và bù đắp, khắc phục ô nhiễm môi trường khi đã đạt đến mức độ giàu có nhất định với những người theo quan điểm “phải đặt sự hài hoà của môi trường sinh thái trong quá trình thúc đẩy phát triển kinh tế”. [25]

Sau nhiều cuộc tranh luận, đa số các nhà khoa học, chính trị gia đều thừa nhận, muốn phát triển bền vững thì phải đặt sự hài hoà của môi trường sinh thái trong quá trình phát triển kinh tế. Điều này được thể hiện trong các công trình “Tuong lai chung của chúng ta”, “Chăm lo cho Trái Đất”, cũng như Hội nghị thượng đỉnh của Liên Hợp Quốc tại Rio de Janeiro (Braxin) năm 1992, đã thông qua chiến lược phát triển bền vững và khẳng định rằng, phát triển bền vững là “sự phát triển kinh tế – xã hội lành mạnh, dựa trên việc sử dụng hợp lý tài nguyên và bảo vệ môi trường nhằm đáp ứng nhu cầu của thế hệ con người hiện nay và không ảnh hưởng bất lợi đối với các thế hệ tương lai trong việc thỏa mãn những nhu cầu của họ” [16]. Những mục tiêu chủ yếu của chiến lược phát triển bền vững được quy thành những biện pháp nhằm bảo vệ môi trường và tiết kiệm tài nguyên. Những người tham dự hội nghị đã thông qua chương trình hành động – Chương trình nghị sự 21 (Agenda 21) đề ra các định hướng cho các chính phủ, cho giới kinh doanh và giới hoạt động xã hội của mọi quốc gia trong hơn 100 lĩnh vực khác nhau. Những nội dung cơ bản của Hội nghị thượng đỉnh Rio – 92 đã được nhắc lại trong Hội nghị thượng đỉnh của Liên Hiệp Quốc được tổ chức tại Johannesburg (Nam Phi) năm 2002. Theo đó, Hội nghị đã xác định rõ các bộ phận cấu thành của phát triển bền vững ở cấp độ toàn cầu và các chỉ số cơ bản của mỗi bộ phận để có sự nhìn nhận, đánh giá và ràng buộc trách nhiệm, quyền lợi của các quốc gia đối với phát triển bền vững.

Các bộ phận cấu thành của phát triển bền vững, gồm: (1) Tính bền vững về kinh tế, phát triển kinh tế nhanh và an toàn. Tức là sự tăng trưởng và phát triển lành mạnh nền kinh tế phải đáp ứng được yêu cầu của cuộc sống, nâng cao đời sống người dân, tránh được sự suy thoái hoặc đình trệ trong tương lai, nhất là tình trạng nợ nần, biến nó thành di chứng cho thế hệ sau; (2) Tính bền vững về xã hội, công bằng xã hội và phát triển con người, lấy chỉ số HDI (Human Development Index) làm thước đo cao nhất cho sự phát triển xã hội. Tức là tính bền vững thể hiện ở sự đảm bảo về sức khỏe, dinh dưỡng, học vấn, giảm nghèo đói, đảm bảo công bằng xã hội và tạo cơ hội bình đẳng cho mọi thành viên trong xã hội. Theo đó, công bằng xã hội là một trong những mục tiêu trọng yếu của phát triển bền vững. Khoảng cách chênh lệch giàu nghèo quá lớn sẽ không giúp cải thiện vấn đề môi trường tại nơi đói nghèo, vì những người nghèo hầu như vẫn không được hưởng lợi gì từ sự tăng trưởng kinh tế, cho nên thái độ của họ đối xử

với môi trường cũng vẫn như trước đây. Thậm chí, bất bình đẳng kinh tế có nguy cơ dẫn đến xung đột xã hội hay chiến tranh, mà hậu quả là môi trường bị phá hủy nghiêm trọng; (3) Tính bền vững về môi trường, khai thác và sử dụng hợp lý các nguồn tài nguyên thiên nhiên, bảo vệ và không ngừng cải thiện chất lượng môi trường sống theo hướng tích cực. Đảm bảo cho con người sống trong môi trường trong lành và an toàn, đảm bảo mối quan hệ hài hòa thật sự giữa con người, xã hội và tự nhiên. Sự khai thác, sử dụng hợp lý các nguồn tài nguyên thiên nhiên, bảo tồn được sự đa dạng sinh thái... nhằm thỏa mãn nhu cầu sống của thế hệ hiện tại, nhưng không cản trở các thế hệ mai sau có cơ hội thỏa mãn nhu cầu của họ về tài nguyên và môi trường và những đòi hỏi như vậy chỉ có thể thực hiện được khi những mục tiêu kinh tế và công bằng xã hội được đảm bảo. Ba mục tiêu của phát triển bền vững trên đây gắn bó chặt chẽ với nhau trong quá trình phát triển liên tục của xã hội.

Ở Việt Nam, chủ trương và mục tiêu phát triển bền vững được thể hiện qua phương châm chủ động kết hợp giữa mục tiêu tăng trưởng với mục tiêu công bằng và tiến bộ xã hội; phát triển con người và bảo vệ môi trường; phát triển nhanh, hiệu quả và bền vững [26]. Các Văn kiện Đại hội X, XI, XII của Đảng Cộng sản Việt Nam đều khẳng định: Phát triển nhanh phải đi đôi với phát triển bền vững... Phải gắn tăng trưởng kinh tế với phát triển văn hoá, phát triển con người toàn diện, thực hiện dân chủ, tiến bộ và công bằng xã hội, tạo nhiều việc làm, cải thiện đời sống, khuyến khích làm giàu hợp pháp đi đôi với xoá đói, giảm nghèo. Từng bước thu hẹp khoảng cách phát triển giữa các vùng. Phải rất coi trọng bảo vệ và cải thiện môi trường và cải thiện môi trường ngay trong từng bước phát triển, không gây ô nhiễm và huỷ hoại môi trường. [13–15]

Để bảo đảm được các mục tiêu trên, chiến lược phát triển làng nghề phải kết giải quyết được hài hoà giữa các mục tiêu, gồm: Vừa thúc đẩy hoạt động sản xuất của làng nghề phát triển, bảo đảm được cuộc sống của dân làng, nâng cao đời sống vật chất, tránh tình trạng nợ nần, phá sản của các cơ sở, hộ gia đình sản xuất, kinh doanh tại làng nghề; vừa bảo đảm được công bằng xã hội, sức khoẻ cộng đồng, đặc biệt là đời sống tinh thần của dân làng; vừa bảo đảm sự trong sạch về không khí, nước, đất, không gian địa lý, cảnh quan... Đặc biệt, trong quá trình khai thác cũng như trong sản xuất, kinh doanh các nguồn tài nguyên về môi trường, các chủ thể của làng nghề luôn phải giữ gìn, bảo vệ tránh làm tài nguyên bị suy kiệt, tránh khai thác quá mức, chúng ta phải biết sử dụng và khai thác tài nguyên một cách hợp lý.

Như vậy, tính bền vững về môi trường tại làng nghề, chủ yếu hướng đến ba khía cạnh, gồm: (1) hoạt động sản xuất, kinh doanh tại làng nghề phải bảo vệ được sự trong lành của không khí, nước, đất và cảnh quan tự nhiên, cảnh quan văn hoá của làng nghề; (2) hoạt động khai thác tài nguyên nước, tài nguyên đất, tài nguyên rừng phải được duy trì ở mức có thể phục hồi được để triệt tiêu nguy cơ suy kiệt các loại tài nguyên này; (3) cùng với sự phát triển của làng nghề thì cần thường xuyên đánh giá, kiểm định chất lượng các yếu tố môi trường tại làng nghề theo các tiêu chuẩn của Việt Nam, cũng như tiêu chuẩn quốc tế.

2. Thực trạng pháp luật và thực tiễn bảo vệ tính bền vững về môi trường tại làng nghề ở Việt Nam

2.1. Thực trạng pháp luật và thực tiễn bảo vệ sự trong sạch về nước, chống khai thác suy kiệt nguồn nước

Theo Luật Tài nguyên nước, hoạt động sản xuất kinh doanh của làng nghề có xả nước thải vào nguồn nước thì “làng nghề phải có hệ thống thu gom, xử lý nước thải phù hợp với quy mô xả nước thải, khả năng tiếp nhận nước thải của nguồn nước và phải được cơ quan quản lý nhà nước về tài nguyên nước có thẩm quyền chấp thuận trước khi trình phê duyệt” [22] và Nghị định 80/2014/NĐ-CP ngày 06-8-2014 của Chính phủ quy định về thoát nước và xử lý nước thải yêu cầu các làng nghề phải tuân thủ tám nguyên tắc trong quản lý và xử lý nước thải.

Bên cạnh đó, làng nghề phải đảm bảo có hệ thống thu gom nước thải, nước mưa bảo đảm nhu cầu tiêu thoát nước của làng nghề, không để xảy ra hiện tượng tắc nghẽn, tù đọng nước thải ngập úng; hệ thống xử lý nước thải tập trung (nếu có) phải đảm bảo công suất xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường tương ứng đối với tổng lượng nước thải phát sinh từ làng nghề trước khi thải ra nguồn tiếp nhận; trong trường hợp làng nghề không có hệ thống xử lý tập trung thì phải thực hiện tốt các biện pháp thu gom, xử lý nước thải đảm bảo quy chuẩn môi trường [8]. Đối với làng nghề sản xuất kinh doanh các ngành không thuộc danh mục ngành nghề được khuyến khích phát triển mà có hệ thống xử lý nước thải và lưu lượng nước thải từ 30 m³/ngày đêm thì còn phải có nhật ký vận hành hệ thống xử lý nước thải, lưu giữ tối thiểu hai năm [8]. Nước thải phải bảo đảm các chỉ số trong giới hạn theo các quy chuẩn hiện hành [1].

Nếu trong quá trình sản xuất kinh doanh mà làng nghề vi phạm các nghĩa vụ quy định tại Khoản 1, Điều 23 của Nghị định này thì tùy tính chất, mức độ nguy hiểm, hậu quả gây ra thì có thể bị xử lý trách nhiệm hành chính theo quy định của Nghị định 155/2016/NĐ-CP, ngày 18-11-2016 của Chính phủ [11], bị truy cứu trách nhiệm dân sự theo quy định của Nghị định 03/2015/NĐ-CP ngày 06-01-2015 của Chính phủ. Theo đó, chủ thể làm ô nhiễm môi trường mà gây ra thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật, kể cả trong trường hợp chủ thể đó không có lỗi, được quy định tại Điều 236, Bộ luật Dân sự 2015, trong trường hợp hành vi vi phạm có mức độ nguy hiểm xã hội cao, gây ô nhiễm nghiêm trọng môi trường thì có thể phải chịu trách nhiệm hình sự quy định tại Điều 235, Bộ luật Hình sự năm 2015.

Mặc dù, pháp luật quy định tương đối toàn diện các phương diện pháp lý, từ việc minh bạch nghĩa vụ xử lý nước thải, định mức khai thác nước ngầm, bộ quy chuẩn về chất lượng nước được thải ra môi trường, tiêu chuẩn xác định hành vi vi phạm (Khoản 3, Điều 12) [8] và các loại trách nhiệm pháp lý để răn đe chủ thể sản xuất, kinh doanh tại làng nghề, hành vi gây ô nhiễm nguồn nước vẫn còn diễn ra phổ biến tại các làng nghề [20]. Một khảo sát của Tổng cục Môi trường (Bộ Tài nguyên và Môi trường) mới đây cho thấy, nguồn nước ngầm sử dụng trong sinh hoạt và sản xuất tại các làng nghề đều bị ô nhiễm amoni, phenol...; nước mặt tại các ao, hồ,

kênh mương thủy lợi bị nhiễm độc; hay các chỉ tiêu sinh học như *E. coli*, coliform, kim loại nặng As, Hg khá cao... Ước tính mỗi ngày, các làng nghề thải ra môi trường hàng trăm nghìn tấn chất thải rắn, cũng như hàng nghìn mét khối nước thải sinh hoạt [29].

Đối với việc chống khai thác suy kiệt nguồn nước, pháp luật hạn chế khai thác nước dưới đất tại các khu vực làng nghề đã có hệ thống cấp nước tập trung và dịch vụ cấp nước bảo đảm đáp ứng yêu cầu chất lượng, số lượng [22]. Đồng thời, làng nghề đã được đấu nối với hệ thống cấp nước tập trung và bảo đảm cung cấp nước ổn định cả về số lượng và chất lượng" thì phải đăng ký khai thác nước dưới đất [6]. Trong thực tế, việc khai thác nước dưới đất phục vụ sinh hoạt, chăn nuôi, trồng trọt một cách bừa bãi, không theo quy hoạch, thiếu quản lý chặt chẽ dẫn tới việc hạ thấp mực nước ngầm thậm chí làm suy giảm cả về số lượng và chất lượng nguồn nước ngầm tới mức khó hồi phục đã xảy ra ở một số địa phương.

Việc khoan giếng lấy nước ngầm không đúng quy trình kỹ thuật, không chèn lấp khi sử dụng là nguyên nhân dẫn tới hiện tượng ô nhiễm xuyên tầng làm giảm chất lượng các nguồn nước ngầm rất có giá trị ở tầng sâu. Khai thác nước ngầm với quy mô lớn gây nên sự sụt lún đất làm hư hỏng các công trình xây dựng và ở một số địa phương có thể làm trầm trọng thêm mức độ ngập lụt là vấn đề phải được quan tâm đúng mức, đặc biệt là với các tỉnh ở Đồng bằng Sông Cửu Long nơi có địa hình tương đối bằng phẳng và có cao trình mặt đất thấp.

Kết quả khảo sát mới đây của đoàn đại biểu Quốc hội Tp. Hà Nội cho thấy, 100% làng nghề được quan trắc đều có ít nhất ba chỉ tiêu phân tích vượt tiêu chuẩn cho phép, nguồn nước ngầm sử dụng trong sinh hoạt và sản xuất bị ô nhiễm; bề mặt ao hồ, kênh mương thủy lợi bị nhiễm độc...

Tình trạng gây ô nhiễm nước, khai thác bừa bãi nước ngầm diễn ra ở nhiều làng nghề xuất phát từ nhiều nguyên nhân, trong đó chủ yếu: Một số địa phương còn thiếu trách nhiệm, chưa thực sự chú trọng kiểm tra, xử lý vi phạm dù cảnh báo đã tới mức nguy hiểm. Nhiều hộ gia đình vì lợi ích kinh tế, dù biết rõ mức độ nguy hiểm nhưng vẫn cố tình vi phạm và chấp nhận sống chung với ô nhiễm; ý thức chấp hành pháp luật bảo vệ môi trường của các cơ sở, hộ sản xuất, kinh doanh tại làng nghề chưa cao [29]; tập quán sản xuất nhỏ lẻ, sử dụng nơi ở, sinh hoạt để làm không gian sản xuất khiến cho việc xử lý nước thải, phân tách nước thải với nước sinh hoạt khó khăn [24]. Ngoài những nguyên nhân trên, những bất cập của pháp luật về bảo vệ sự trong sạch của nguồn nước ở các làng nghề cũng ảnh hưởng tiêu cực đến việc thực hiện pháp luật bảo vệ sự trong sạch của nguồn nước. Pháp luật chưa dựa trên những yếu tố đặc thù như, sản xuất quy mô nhỏ, phương thức sản xuất truyền thống, thủ công và nơi sản xuất đan xen với không gian ở, sinh hoạt để xây dựng các nghĩa vụ riêng biệt và tiêu chuẩn phù hợp nên các cơ sở, hộ sản xuất, kinh doanh tại các làng nghề khó thực thi nghĩa vụ bảo vệ sự trong sạch của nguồn nước. Ngoài ra, pháp luật chưa quy định chi tiết các biện pháp phải được áp dụng để xử lý nước thải tại các cơ sở, hộ gia đình sản xuất, kinh doanh có quy mô nhỏ, nghề đặc thù

tại làng nghề nên chính quyền địa phương khó khăn trong việc đôn đốc, kiểm tra, giám sát và xử lý hành vi vi phạm nghĩa vụ bảo vệ nguồn nước.

2.2. Thực trạng pháp luật và thực tiễn bảo vệ sự trong sạch về không khí, chống ô nhiễm tiếng ồn

Luật Bảo vệ môi trường (2014) và các văn bản dưới luật đều yêu cầu các dự án phải thực hiện đánh giá tác động môi trường (ĐTM), báo cáo giám sát môi trường không khí, có phương án bảo vệ môi trường hoặc cam kết bảo vệ môi trường. Nhiệm vụ bảo vệ môi trường không khí và giảm thiểu tiếng ồn được quy định tại Mục 4, Chương VI, Luật Bảo vệ môi trường (2014). Luật này cũng quy định về việc thực hiện các biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, bụi, khí thải đối với các ngành nghề được khuyến khích phát triển; đối với các ngành nghề không được khuyến khích phát triển thì cần phải đầu tư, lắp đặt hệ thống xử lý khí thải đảm bảo quy chuẩn kỹ thuật môi trường, có sàn thao tác đảm bảo an toàn tại vị trí lấy mẫu khí thải và có nhật ký vận hành hệ thống xử lý khí thải được ghi chép đầy đủ, lưu giữ tối thiểu 2 năm.

Để có cơ sở đánh giá, kiểm định nghĩa vụ bảo đảm trong sạch về không khí, chống ô nhiễm tiếng ồn mà hoạt động của làng nghề tác động tới, các cơ quan quản lý có thẩm quyền đã ban hành các bộ tiêu chuẩn kỹ thuật, các chỉ số, như: Tiêu chuẩn kỹ thuật và nghĩa vụ đánh giá, kiểm định nghĩa vụ bảo đảm không khí sạch [3], tiếng ồn phù hợp [4]. Đối với các cơ sở phát sinh tiếng ồn thì phải đầu tư, lắp đặt hệ thống giảm thiểu tiếng ồn đảm bảo quy chuẩn kỹ thuật môi trường [8]. Cơ sở để đánh giá, kiểm định các nghĩa vụ nêu trên được đối sánh với các quy chuẩn kỹ thuật. Các quy chuẩn này được áp dụng để kiểm soát nồng độ các chất vô cơ, hữu cơ, bụi có trong thành phần khí thải của làng nghề trước khi thải vào môi trường xung quanh [2].

Để bảo đảm các cơ sở, hộ gia đình sản xuất kinh doanh tại làng nghề thực hiện các nghĩa vụ trên, pháp luật bắt buộc chính quyền địa phương, các cơ quan chuyên môn ở địa phương trong lĩnh vực môi trường – phòng Tài nguyên và môi trường, sở Tài nguyên môi trường – phải thường xuyên đôn đốc, kiểm tra, giám sát và kịp thời áp dụng các trách nhiệm pháp lý để ngăn chặn, loại bỏ hành vi gây ô nhiễm về không khí, ô nhiễm tiếng ồn do hoạt động sản xuất, kinh doanh tại làng nghề gây ra. Bên cạnh đó, đặt ra các chế tài hành chính, dân sự, hình sự để răn đe các chủ thể sản xuất, kinh doanh tại làng nghề gây ô nhiễm không khí, ô nhiễm tiếng ồn, pháp luật còn sử dụng phương pháp kinh tế, thông qua việc bắt buộc các chính quyền địa phương có làng nghề phải trích xuất một phần tài chính của quỹ bảo vệ môi trường của địa phương để hỗ trợ các cơ sở, hộ gia đình sản xuất, kinh doanh tại làng nghề đầu tư cải tiến công nghệ sản xuất thân thiện với môi trường, xây dựng hệ thống xử lý khí thải, dụng cụ lấy mẫu khí thải, lưu trữ mẫu khí thải, v.v. Mặc dù, pháp luật đã sử dụng tất cả các phương thức, từ thuyết phục, hành chính, cưỡng chế và cả phương thức kinh tế để bảo đảm sự trong sạch của không khí, chống ô nhiễm tiếng ồn tại các làng nghề, tình trạng ô nhiễm không khí tại các làng nghề vẫn diễn ra phổ biến và ngày càng nghiêm trọng. Kết quả đo đạc chất lượng không khí tại

các làng nghề sơn mài rất đáng lo ngại; hàm lượng phun sơn gấp năm lần nồng độ tối đa cho phép... Tình trạng này cũng đang diễn ra tại các làng nghề trên địa bàn Hà Nội, như làng nghề Triều Khúc, Tân Triều, Thanh Trì nổi tiếng với nghề thu gom phế thải, lông vũ, tái chế nhựa [29]. Các làng nghề mộc ở Vĩnh Phúc cũng gây ra ô nhiễm không khí nghiêm trọng [17]. Làng nghề chế tác đá mỹ nghệ ở Ngũ Hành Sơn, Tp. Đà Nẵng cũng gây ra ô nhiễm tiếng ồn, ô nhiễm không khí nghiêm trọng, mặc dù đã được Ủy ban nhân dân Tp. Đà Nẵng, Ủy ban nhân dân quận Ngũ Hành Sơn thường xuyên kiểm tra, xử phạt và hỗ trợ vốn để xử lý ô nhiễm không khí, tiếng ồn [27]

Tình trạng sản xuất, kinh doanh tại các làng nghề vẫn gây ô nhiễm không khí, ô nhiễm tiếng ồn có nguyên nhân đa dạng, trong đó chủ yếu xuất phát từ ý thức chưa coi trọng sự trong sạch không khí, chưa coi trọng quyền được sống trong môi trường trong lành của những người làm nghề tại các làng nghề; một số chủ cơ sở sản xuất thì háo lợi nhuận trước mắt nên không chịu đầu tư kinh phí để xử lý khí thải, xử lý bụi bay vào không khí, xử lý tiếng ồn do hoạt động sản xuất gây ra [21]; một số cơ sở, hộ gia đình sản xuất với quy mô nhỏ, nơi sản xuất đan xen với không gian sinh hoạt, khu dân cư sinh sống nên không đủ vốn để đầu tư công nghệ xử lý khí thải, việc xử lý ô nhiễm tiếng ồn thì gần như không thể.

Ngoài ra, do chính quyền địa phương chưa thực hiện việc trích xuất một phần quỹ bảo vệ môi trường của địa phương để hỗ trợ cơ sở, hộ gia đình sản xuất tại làng nghề đầu tư công nghệ xử lý khí thải, tiếng ồn cũng góp phần làm cho tình trạng gây ô nhiễm không khí, tiếng ồn tại các làng nghề ngày càng nghiêm trọng.

2.3. Thực trạng pháp luật và thực tiễn bảo vệ sự trong sạch của đất, cảnh quan tại làng nghề

Theo Luật Bảo vệ môi trường (2014) thì “chất thải” phải được quản lý trong toàn bộ quá trình phát sinh, giảm thiểu, phân loại, thu gom, vận chuyển, tái sử dụng, tái chế và tiêu hủy. Chất thải thông thường có lẫn chất thải nguy hại vượt ngưỡng quy định mà không thể phân loại được thì phải quản lý theo quy định của pháp luật về chất thải nguy hại. Chất thải có khả năng tái sử dụng, tái chế và thu hồi năng lượng phải được phân loại.

Chủ cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ ở làng nghề cần bố trí mặt bằng tập kết chất thải trong phạm vi quản lý, khi làm phát sinh chất thải thì phải có trách nhiệm giảm thiểu, tái sử dụng, tái chế và thu hồi năng lượng từ chất thải hoặc chuyển giao cho cơ sở có chức năng phù hợp để tái sử dụng, tái chế và thu hồi năng lượng. Ủy ban Nhân dân các cấp, cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường có trách nhiệm tạo điều kiện thuận lợi để cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tổ chức việc thu gom sản phẩm thải bỏ; lập, phê duyệt, tổ chức thực hiện quy hoạch hạ tầng kỹ thuật xử lý chất thải trên địa bàn; đầu tư xây dựng, tổ chức vận hành công trình công cộng phục vụ quản lý chất thải trên địa bàn; ban hành, thực hiện chính sách ưu đãi, hỗ trợ cho hoạt động quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Cơ quan quản lý có trách nhiệm: đánh giá, dự báo nguồn phát thải nguy hại và lượng phát thải, khả năng thu gom, phân

loại tại nguồn, khả năng tái sử dụng, tái chế và thu hồi năng lượng, vị trí, quy mô điểm thu gom, tái chế và xử lý, công nghệ xử lý chất thải nguy hại và phân công trách nhiệm cho các đơn vị dưới quyền [23].

Đối với chất thải rác (CTR) thông thường, các cơ sở sản xuất, kinh doanh trong làng nghề làm phát sinh CTR thông thường có trách nhiệm phân loại tại nguồn để thuận lợi cho việc tái sử dụng, tái chế, thu hồi năng lượng và xử lý cũng như là có trách nhiệm tái sử dụng, tái chế, thu hồi năng lượng và xử lý. Trường hợp không có khả năng tái sử dụng, tái chế, thu hồi năng lượng và xử lý thì phải chuyển giao cho cơ sở có chức năng phù hợp. Chất thải rác thông thường phải được thu gom, lưu giữ và vận chuyển đến nơi quy định bằng phương tiện, thiết bị chuyên dụng. Các cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường có trách nhiệm tổ chức thu gom, lưu giữ và vận chuyển CTR thông thường trên địa bàn quản lý. Ngoài ra, cơ quan quản lý nhà nước có trách nhiệm: đánh giá, dự báo nguồn phát thải và lượng phát thải, khả năng thu gom, phân loại tại nguồn, khả năng tái sử dụng, tái chế và thu hồi năng lượng, xác định vị trí, quy mô điểm thu gom, tái chế và xử lý, công nghệ xử lý và phân công trách nhiệm cho các đơn vị dưới quyền [12].

Đối với chất thải nguy hại, chủ cơ sở làng nghề phải lập hồ sơ về chất thải nguy hại và đăng ký với Sở Tài nguyên và môi trường; phải tổ chức phân loại, thu gom, lưu giữ và xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; trường hợp không có khả năng xử lý chất thải nguy hại đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường phải chuyển giao cho cơ sở có giấy phép xử lý chất thải nguy hại. Chất thải nguy hại phải được lưu giữ trong phương tiện, thiết bị chuyên dụng bảo đảm không tác động xấu đến con người và môi trường. Chất thải nguy hại phải được vận chuyển bằng phương tiện, thiết bị chuyên dụng phù hợp và được ghi trong giấy phép xử lý chất thải nguy hại.

Đối với hoạt động sản xuất, kinh doanh có thải chất thải tiềm ẩn nguy cơ ô nhiễm đất thì phải tuân theo bộ tiêu chuẩn của Việt Nam về hàm lượng một số chất, hợp chất trong giới hạn cho phép được làm nhiễm bẩn đất [7]. Nếu hoạt động sản xuất, kinh doanh tại làng nghề hủy hoại đất thì có thể bị truy cứu trách nhiệm hành chính theo Nghị định 102/2014/NĐ-CP ngày 10-11-2014 của Chính phủ. Mức xử phạt vi phạm hành chính đối với hành vi gây ô nhiễm đất, hủy hoại đất sẽ bị phạt tiền đến 150 triệu đồng. Chủ thể thực hiện các hành vi trên phải thực hiện các biện pháp khắc phục hậu quả do hành vi vi phạm gây ra.

Ngoài ra, Luật Bảo vệ môi trường năm 2014 còn yêu cầu: các quy hoạch, kế hoạch, dự án và các hoạt động có sử dụng đất phải xem xét tác động đến môi trường đất và có giải pháp bảo vệ môi trường đất, do đó các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân được giao quyền sử dụng đất có trách nhiệm bảo vệ môi trường đất. Việc phát thải chất thải vào môi trường đất không được vượt quá khả năng tiếp nhận của môi trường đất. Khi tổ chức, hộ gia đình và cá nhân sản xuất nghề gây ô nhiễm môi trường đất sẽ phải có trách nhiệm xử lý, cải tạo và phục hồi môi trường đất. Cơ quan quản lý cần điều tra, đánh giá, phân loại chất lượng môi trường đất và công khai thông tin đối với tổ chức, cá

nhân có liên quan. Các yếu tố có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường đất phải được xác định, thống kê, đánh giá và kiểm soát. Cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường có trách nhiệm tổ chức kiểm soát ô nhiễm môi trường đất. Cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có trách nhiệm thực hiện biện pháp kiểm soát ô nhiễm môi trường đất tại cơ sở. Vùng đất, bùn bị ô nhiễm dioxin có nguồn gốc từ chất diệt cỏ dùng trong chiến tranh, thuốc bảo vệ thực vật tồn lưu và chất độc hại khác phải được điều tra, đánh giá, khoanh vùng và xử lý bảo đảm yêu cầu về bảo vệ môi trường [23].

Mặc dù, pháp luật yêu cầu cơ sở, hộ gia đình sản xuất, kinh doanh tại các làng nghề phải có nghĩa vụ phân loại CTR thông thường với CTR nguy hại và phân các loại CTR thông thường với nhau tại nguồn, nhưng trong thực tế, đa số các cơ sở, hộ gia đình sản xuất, kinh doanh tại làng nghề không thực hiện quy định này. Khi bị nhắc nhở, yêu cầu thì một số cơ sở, hộ kinh doanh tại làng nghề không những không chịu thực hiện việc phân loại CTR mà còn lẩn tránh bằng cách đổ CTR vào những nơi vắng, ao, hồ, sông, ven đường, v.v. khiến cho tình trạng ô nhiễm rác thải, ô nhiễm môi trường đất ngày càng nghiêm trọng. Điển hình là làng nghề tái chế nhôm Bình Yên, xã Nam Thanh, Nam Trực (Nam Định). Hằng ngày, làng nghề này thải cả ba dạng chất thải rắn, lỏng, khí ra môi trường, đã đầu độc gần 10 ha đất dẫn đến không sản xuất được, hệ thống kênh rạch ô nhiễm; nước thải tuôn ra nhiều xã quanh khu vực, gây nên biết bao nỗi bức xúc. Nhận thức được tình trạng phức tạp này, địa phương đã xin hỗ trợ của UBND tỉnh Nam Định và xây dựng kho chứa bã thải để xử lý; mức giá xử lý là 3,6 triệu đồng/tấn. Với mức tiền này, nhiều hộ dân đã phản đối và mang rác thải đổ trộm ra đồng, kênh mương, lâu ngày tạo nên những bãi phế thải và những dòng kênh đen ngòm, thậm chí ban đêm mang sang xã khác đổ trộm [9].

Với đặc thù không gian nông thôn, nhiều khoảng đất trống, nhiều ao, hồ, kênh, rạch nên cơ quan có trách nhiệm giám sát, kiểm tra và ngăn chặn hành vi đổ rác thải trái quy định khó phát hiện, khó ngăn chặn kịp thời, trong khi đó ý thức của người dân, cộng đồng về trách nhiệm bảo vệ môi trường còn thấp nên ô nhiễm rác thải, ô nhiễm đất do rác thải gây ra ngày càng nghiêm trọng tại làng nghề, đặc biệt tại các làng nghề chế biến nông sản, thực phẩm, cơ kim khí, chế biến lâm sản, dệt... hầu hết các loại chất thải không được xử lý mà xả thẳng ra môi trường.

Bên cạnh đó, một số địa phương chưa coi trọng việc xây dựng các khu vực xử lý rác tập trung, việc thu gom rác chưa được thực hiện thường xuyên và đặc biệt là việc chưa dự báo được sự tăng trưởng về nguồn rác thải để có kế hoạch, phương án và đầu tư vốn phục vụ cho hoạt động xử lý rác, tái chế rác phù hợp với nhu cầu của thực tế tại các làng nghề. Việc pháp luật chưa quy định cụ thể cơ quan chịu trách nhiệm thu phí bảo vệ môi trường đối với chất thải rắn ở địa phương cũng tác động tiêu cực đến hoạt động quản lý môi trường ở các làng nghề [10].

3. Nguyên nhân của bất cập và giải pháp nâng cao hiệu quả bảo vệ tính bền vững về môi trường tại làng nghề

3.1. Nguyên nhân bất cập

Thực tiễn bảo vệ sự trong sạch của nước, không khí, đất, cảnh quan và bền vững trong khai thác nguồn nước, tài nguyên đất và thực trạng pháp luật cho thấy nguyên nhân của bất cập của hoạt động này tại các làng nghề là đa dạng, có nguồn gốc từ nhiều chủ thể và vừa có tính khách quan, chủ quan, trong đó chủ yếu là các nguyên nhân sau:

Thứ nhất, do hoạt động sản xuất tại nhiều làng nghề còn ở quy mô nhỏ, manh mún, không gian sản xuất, kinh doanh đan xen với không gian ở, sinh hoạt nên khó khăn cho việc bố trí, xây dựng hệ thống xử lý nước thải, khí thải và rác thải [18]. Bên cạnh đó, ý thức của người dân làm nghề tại các làng nghề còn đề cao lợi nhuận trước mắt mà không lường được những hậu quả lâu dài do ô nhiễm môi trường gây ra [19], trong khi những người có trách nhiệm quản lý môi trường, giám sát, kiểm tra đánh giá người dân làm nghề tuân thủ, thi hành pháp luật bảo vệ môi trường thì một số thiếu ý thức trách nhiệm công vụ, một số thì cố tình vi phạm vì lợi ích cá nhân [10].

Thứ hai, ngoài những yếu tố con người trên, việc pháp luật chưa có những phân cấp rõ ràng về thẩm quyền, trách nhiệm cho các cấp chính quyền địa phương trong lĩnh vực này, cũng như những quy định về bảo vệ môi trường của làng nghề chưa được chi tiết để phù hợp với đặc thù của làng nghề so với các mô hình sản xuất kinh doanh khác nên khó thực hiện và truy trách nhiệm trong thực tiễn.

Theo phân cấp, hiện nay, làng nghề đang phải chịu sự quản lý của quá nhiều cấp ngành chuyên môn: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (NN&PTNT) quản lý về ngành nghề, lao động; Sở Công thương quản lý về cụm khu công nghiệp làng nghề và tiêu thụ sản phẩm; Sở Xây dựng quản lý về xây dựng hạ tầng xử lý chất thải; Sở TN&MT quản lý về môi trường; Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch quản lý về du lịch; Sở Thông tin và Truyền thông quản lý về văn hóa. Theo Luật Bảo vệ môi trường thì vấn đề BVMT là do Bộ và ngành TN&MT ở các địa phương thực hiện quản lý, nhưng đi vào cụ thể ở các làng nghề thì lại do Sở NN&PTNT phụ trách. Trong khi đó, Cụm công nghiệp làng nghề lại do Sở Công thương quản lý... Nếu cứ giữ nguyên mô hình quản lý này thì rất khó để giải quyết thực trạng ô nhiễm môi trường làng nghề hiện nay.

Thứ ba, ở Việt Nam, làng nghề phân bố rất đa dạng, hiện diện ở khắp các vùng, miền, từ đô thị đến nông thôn, từ đồng bằng đến miền núi cao nên ý thức pháp luật của chủ thể sản xuất trong làng nghề, cũng như đội ngũ cán bộ, công chức quản lý môi trường đa dạng, phong phú và có sự khác biệt về trình độ, thái độ, tình cảm và niềm tin đối với pháp luật bảo vệ môi trường, hậu quả của hành vi xâm hại môi trường. Ngoài mức độ hoàn thiện pháp luật, ý thức pháp luật của các chủ thể

tham gia bảo vệ môi trường, mức độ bảo vệ môi trường ở các làng nghề còn bị chi phối bởi cơ sở vật chất, nguồn vốn và công nghệ phục vụ và giám sát các chỉ số về nước thải, rác thải, khí thải và các hệ thống quan trắc môi trường. Những công cụ và hệ thống xử lý các loại chất thải này cần nguồn vốn đầu tư lớn và nhân lực vận hành có trình độ cao trong khi đó đa số làng nghề có quy mô sản xuất nhỏ, mang tính hộ gia đình nên bất khả thi trong việc thực hiện các yêu cầu bảo vệ môi trường ở góc độ này. Ngoài ra, phong tục, tập quán cũng là yếu tố đặc thù của các làng nghề nên chi phối mạnh mẽ đến mức độ bảo vệ môi trường ở các làng nghề. Phong tục, tập quán lạc hậu, không còn phù hợp sẽ ảnh hưởng tiêu cực đến việc chấp hành các quy định pháp luật về phòng ngừa và khắc phục ô nhiễm môi trường trong hoạt động làng nghề và ngược lại.

3.2. Giải pháp nâng cao hiệu quả bảo vệ tính bền vững về môi trường tại làng nghề

Trên cơ sở các nguyên nhân đã được rút ra, việc nâng cao hiệu quả bảo vệ tính bền vững về môi trường cần phải ưu tiên vận dụng các giải pháp sau:

Thứ nhất, pháp luật bảo vệ môi trường đã hoàn thiện ở mức độ nhất định và góp phần quan trọng vào việc bảo vệ môi trường. Tuy nhiên, ở phương diện phát triển bền vững, thì chưa đáp ứng được các yêu cầu trọng tâm của tính bền vững về môi trường. Do pháp luật hiện hành vẫn cấu trúc theo hướng phòng ngừa, khắc phục ô nhiễm môi trường nên chưa phân định rõ được các nhóm quy phạm tiệm cận với cấu trúc nội dung của tính bền vững về môi trường. Chính vì vậy, việc hoàn thiện pháp luật bảo vệ môi trường trong tương lai cần tiếp cận cấu trúc nội dung của tính bền vững về môi trường để mục tiêu của pháp luật lĩnh vực này minh bạch hơn, sự tương thích với phát triển bền vững cao hơn.

Thứ hai, làng nghề là định chế sản xuất kinh doanh nên tất yếu bình đẳng, công bằng trước pháp luật bảo vệ môi trường với các định chế sản xuất kinh doanh khác. Tuy nhiên, làng nghề có những đặc thù (đã được mô tả ở trên) nên pháp luật bảo vệ môi trường cần phải có các quy định để cụ thể hoá những nguyên tắc, quy định về bảo vệ môi trường cho các làng nghề. Thiết nghĩ trong các văn bản dưới luật (nghị định, thông tư) cần có điều khoản độc lập quy định về nghĩa vụ cụ thể về bảo vệ môi trường tại làng nghề.

Thứ ba, bên cạnh nguyên nhân từ pháp luật, việc chưa phân cấp rành mạch, chưa phân định rõ ràng quyền và trách nhiệm kiểm tra, giám sát, đôn đốc, đánh giá và chịu trách nhiệm về thi hành, tuân thủ pháp luật bảo vệ môi trường tại làng nghề là nguyên nhân chính dẫn đến tỷ lệ cao các làng nghề gây ô nhiễm môi trường nên pháp luật cần phân cấp và phân định rõ quyền hạn, trách nhiệm của cấp chính quyền, cơ quan chuyên môn chủ trì và chịu trách nhiệm về hành vi gây ô nhiễm môi trường tại làng nghề không được ngăn chặn, xử lý kịp thời.

Thứ tư, đối với các hành vi vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường, việc xử lý các hành vi vi phạm và giải quyết bồi thường thiệt hại do ô nhiễm, suy thoái môi trường mới chỉ dừng ở việc xử phạt vi phạm hành chính; giải quyết yêu cầu bồi thường thiệt hại về tính mạng, sức

khỏe, tài sản và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân do hậu quả của hành vi vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường gây ra trên cơ sở các quy định về bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng theo quy định của pháp luật dân sự và pháp luật về bảo vệ môi trường mà chưa có vụ việc nào yêu cầu bồi thường thiệt hại về môi trường tự nhiên được giải quyết. Nguyên nhân của thực trạng này là hành vi vi phạm pháp luật và thiệt hại đối với môi trường tự nhiên rất đa dạng; việc xác định mức độ thiệt hại, thu thập xác định thiệt hại, thu thập dữ liệu, chứng cứ chứng minh cũng gặp nhiều khó khăn, vướng mắc về mặt thể chế, công nghệ, thiếu nhân lực có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cao... Điều này cũng cho thấy rằng, nếu không có những quy định hướng dẫn cụ thể thì các quy định pháp luật hiện hành chưa thực sự phát huy được trách nhiệm bảo vệ môi trường của cơ quan có thẩm quyền và cá nhân, tổ chức có liên quan trong việc phát hiện, phòng ngừa, xử lý các hành vi vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường cũng như khắc phục ô nhiễm, suy thoái, cải thiện và phục hồi môi trường.

Theo quy định pháp luật hiện hành, việc yêu cầu bồi thường thiệt hại về môi trường nói chung, bồi thường thiệt hại đối với môi trường tự nhiên nói riêng được quy định trong một số văn bản quy phạm pháp luật như: Bộ luật Dân sự năm 2015, Luật Khoáng sản năm 2010, Luật Tài nguyên nước năm 2012, Luật Bảo vệ môi trường năm 2014, Nghị định số 03/2015/NĐ-CP ngày 6-1-2015 quy định về xác định thiệt hại đối với môi trường.

Từ những căn cứ thực tiễn và pháp lý nêu trên, việc xây dựng văn bản hướng dẫn về thủ tục để thực hiện bồi thường thiệt hại đối với môi trường là rất cần thiết nhằm đảm bảo thực thi có hiệu quả cơ chế bảo vệ môi trường này.

Thứ năm, cần xây dựng quy hoạch không gian phù hợp để hoạt động sản xuất, kinh doanh của các cơ sở, hộ gia đình tại các làng nghề tách với không gian ở, sinh hoạt.

Thứ sáu, cần phải xác định rõ các tiêu chí để xác định làng nghề, làng có nghề để ngăn ngừa một số doanh nghiệp lợi dụng chính sách ưu đãi cho làng nghề để trục lợi, gây ô nhiễm môi trường.

Thứ bảy, cần tuyên truyền pháp luật, giáo dục pháp luật và tầm quan trọng của môi trường trong lành, cũng như những hậu quả do ô nhiễm môi trường gây ra cho cá nhân, gia đình, xã hội và đặc biệt là duy trì làng nghề phát triển bền vững để cơ sở, hộ gia đình sản xuất, kinh doanh, người làm nghề có ý thức bảo vệ môi trường, từ bỏ hành vi gây ô nhiễm môi trường.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Tài nguyên và Môi trường (2008), *Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước ngầm*. QCVN 09:2008/BTNMT; Truy cập ngày 20-3-2021 tại <http://www.gree-vn.com/pdf/QCVN09-2008BTNMT.pdf>; 6 trang;
2. Bộ Tài nguyên và Môi trường (2009), *Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ*. QCVN: 19:2009/BTNMT; Truy cập ngày 20-3-2021 tại <http://www.gree-vn.com/pdf/QCVN19-2009-BTNMT.pdf>; 5 trang;
3. Bộ Tài nguyên và Môi trường (2009), *Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh*. QCVN 05:2009/BTNMT; Truy cập ngày 20-3-2021 tại <http://www.gree-vn.com/pdf/QCVN-05-2009-BTNMT-chat-luong-khong-khi-xung-quanh.pdf>; 4 trang;
4. Bộ Tài nguyên và Môi trường (2010), *Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn*. QCVN 26:2010/BTNMT; Truy cập ngày 20-2-2021 tại <http://www.gree-vn.com/pdf/QCVN26-2010-BTNMT.pdf>; 4 trang;
5. Bộ Tài nguyên và Môi trường (2011), *Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt*. QCVN 08-MT:2015/BTNMT; Truy cập ngày 20-2-2021 tại <http://cem.gov.vn/storage/documents/5d6f3ecb26484qcvn-08-mt2015btnmt.pdf>; 13 trang;
6. Bộ Tài nguyên và Môi trường (2014), *Thông tư Quy định về việc Đăng ký khai thác nước dưới đất, mẫu hồ sơ cấp, gia hạn, điều chỉnh, cấp lại giấy phép tài nguyên nước*. Số: 27/2014/TT-BTNMT; Truy cập ngày 21-2-2021 tại http://vanban.chinhphu.vn/portal/page/portal/chinhphu/hethongvanban?class_id=1&page=1&mode=detail&document_id=174335; 9 trang;
7. Bộ Tài nguyên và Môi trường (2014), *Thông tư Quy định việc điều tra, đánh giá đất đai*. Số 35/2014/TT-BTNMT; Truy cập ngày 21-2-2021 tại http://vanban.chinhphu.vn/portal/page/portal/chinhphu/hethongvanban?class_id=1&mode=detail&document_id=175116; 8 trang;
8. Bộ Tài nguyên và Môi trường (2016), *Thông tư Về bảo vệ môi trường cụm công nghiệp, khu kinh doanh, dịch vụ tập trung, làng nghề và cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ*. Số 31/2016/TT-BTNMT; Truy cập ngày 21-2-2021 tại http://vanban.chinhphu.vn/portal/page/portal/chinhphu/hethongvanban?class_id=1&page=1&mode=detail&document_id=187460; 50 trang;
9. Khánh Chi (2019), *Xử lý ô nhiễm môi trường làng nghề: Cân trả lại giá trị đích thực cho làng nghề truyền thống*; Truy cập ngày 20-02-2021 tại http://arit.gov.vn/tin-tuc/xu-ly-o-nhiem-moi-truong-lang-nghe-can-tra-lai-gia-tri-dich-thuc-cho-lang-nghe-truyen-thong-09d83fcd_917/.

10. Linh Chi (2020), *Làng nghề "mắc kẹt" giữa phát triển với bảo vệ môi trường: Ô nhiễm vì sao chưa dứt?*; Truy cập ngày 20-02-2021 tại <https://baotainguyenmoitruong.vn/lang-nghe-mac-ket-giua-phat-trien-voi-bao-ve-moi-truong-o-nhiem-vi-sao-chua-dut-313154.html>.
11. Chính phủ nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2016), *Nghị định Quy định về Xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường*. Số: 155/2016/NĐ-CP; Truy cập ngày 21-2-20121 tại http://vanban.chinhphu.vn/portal/page/portal/chinhphu/hethongvanban?class_id=1&page=1&mode=detail&document_id=187259; 152 trang.
12. Chính phủ nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2015), *Nghị định về Quản lý chất thải và phế liệu*. Số: 38/2015/NĐ-CP; Truy cập ngày 21-2-2021 tại http://vanban.chinhphu.vn/portal/page/portal/chinhphu/hethongvanban?class_id=1&mode=detail&document_id=179748; 43 trang.
13. Đảng Cộng sản Việt Nam (2006), *Báo cáo của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX về phương hướng, nhiệm vụ phát triển KT-XH 5 năm 2006 - 2010 tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X của Đảng*; Truy cập ngày 15-01-2021 tại <https://tulieuvankien.dangcongsan.vn/ban-chap-hanh-trung-uong-dang/dai-hoi-dang/lan-thu-x/bao-cao-cua-ban-chap-hanh-trung-uong-dang-khoa-ix-ve-phuong-huong-nhiem-vu-phat-trien-kt-xh-5-nam-2006-2010-tai-1536>; 44 trang.
14. Đảng Cộng sản Việt Nam (2011), *Chiến lược phát triển kinh tế – xã hội 2011 – 2020*; Truy cập ngày 15-01-2021 tại <https://tulieuvankien.dangcongsan.vn/ban-chap-hanh-trung-uong-dang/dai-hoi-dang/lan-thu-xi/chien-luoc-phat-trien-kinh-te-xa-hoi-2011-2020-1527>; 20 trang.
15. Đảng Cộng sản Việt Nam (2016), *Báo cáo đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế – xã hội 5 năm 2011 – 2015 và phương hướng, nhiệm vụ phát triển kinh tế – xã hội 5 năm 2016 – 2020*; Truy cập ngày 15-01-2021 tại <https://tulieuvankien.dangcongsan.vn/ban-chap-hanh-trung-uong-dang/dai-hoi-dang/lan-thu-xii/bao-cao-danh-gia-ket-qua-thuc-hien-nhiem-vu-phat-trien-kinh-te-xa-hoi-5-nam-2011-2015-va-phuong-huong-1599>; 36 trang.
16. Phương Loan(2020), *Nạn giải vấn đề ô nhiễm không khí tại làng nghề mộc*; Truy cập ngày 20-02-2021 tại https://vinhphuc.gov.vn/ct/cms/tintuc/Lists/VanHoaXaHoi/View_detail.aspx?ItemID=10368,
17. Lê Kim Nguyệt (2012), *Thực trạng thực thi pháp luật bảo vệ môi trường tại làng nghề, Tạp chí Khoa học ĐHQGHN, Luật học 218, (2012), 180-185.*

18. Mạnh Phương (2016), *Ô nhiễm môi trường tại các làng nghề ở Hưng Yên*; Truy cập ngày 20-02-2021 tại <https://vov.vn/xa-hoi/o-nhiem-moi-truong-tai-cac-lang-nghe-o-hung-yen-580963.vov>.
19. Trương Hồng Quang (2012), Một số bất cập trong thực thi pháp luật bảo vệ môi trường trong các làng nghề Việt Nam, *Tạp chí Kinh tế và Dự báo*, số 21, tháng 11-2012; Truy cập ngày 13-01-2021 tại <https://hongquang.wordpress.com/2012/09/28/mot-so-bat-cap-trong-thuc-thi-pl-bao-ve-moi-truong-trong-cac-lang-nghe-viet-nam>.
20. Quốc Hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2012), *Luật Tài nguyên nước*. Số: 17/2012/QH13; Truy cập ngày 15-1-2021 tại http://vanban.chinhphu.vn/portal/page/portal/chinhphu/hethongvanban?class_id=1&_page=1&mode=detail&document_id=162986; 41 trang.
21. Quốc Hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2014), *Luật Bảo vệ môi trường*. Số: 55/2014/QH13; Truy cập ngày 15-1-2021 tại <http://vanban.monre.gov.vn/Admin/Uploads/VanBan/Luật%20Bảo%20vệ%20môi%20trường%202014.pdf>; 75 trang.
22. Hoàng Sơn (2020), *Ô nhiễm làng nghề – Để lâu khó xử lý*; Truy cập ngày 20-02-2021 tại <https://hanoimoi.com.vn/tin-tuc/Khoa-hoc/978980/o-nhiem-lang-nghe---de-lau-kho-xu-ly>.
23. Võ Minh Tập (2014), *Phát triển bền vững – Một số vấn đề lý luận và thực thi chiến lược trong hai thập niên đầu thế kỷ XXI*; Truy cập ngày 15/01/2021 tại <https://css.hcmussh.edu.vn/?ArticleId=68a55120-f7cd-467f-877b-86744555464e>.
24. Hà Trọng Thà (2014), *Văn kiện đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI của đảng cộng sản Việt Nam với vấn đề phát triển bền vững*; Truy cập ngày 15/01/2021 tại <https://css.hcmussh.edu.vn>.
25. Huỳnh Tây (2020), Luận văn thạc sĩ luật về *Pháp luật về phòng ngừa và khắc phục ô nhiễm môi trường tại các làng nghề, qua thực tiễn tại thành phố Đà Nẵng*, Trường đại học Luật, Đại học Huế.
26. Ngọc Yến (2017), *Ô nhiễm môi trường làng nghề vượt... 30 lần cho phép*; Truy cập ngày 20-02-2021 tại <http://cand.com.vn/dieu-tra-theo-don-ban-doc/O-nhiem-moi-truong-lang-nghe-vuot-30-lan-cho-phep-468166/>.
27. KV (2018), *Môi lo ô nhiễm môi trường làng nghề*; Truy cập ngày 20-02-2021 tại <https://dangcongsan.vn/xa-hoi/moi-lo-o-nhiem-moi-truong-lang-nghe-480587.html>.